

TCVN 7262 : 2003

THUỐC LÁ TẤM

Reconstituted tobacco

Lời nói đầu

TCVN 7262 : 2003 do Ban kỹ thuật Tiêu chuẩn TCVN/TC 126 *Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá* biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

Tiêu chuẩn này được chuyển đổi năm 2008 từ Tiêu chuẩn Việt Nam cùng số hiệu thành Tiêu chuẩn Quốc gia theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 1/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật.

Thuốc lá tẩm

Reconstituted tobacco

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này áp dụng cho thuốc lá tẩm được sản xuất bằng phương pháp cán ép.

2 Tiêu chuẩn viện dẫn

TCVN 3652 : 2000 Giấy và cactông. Xác định độ dày và tỷ trọng.

TCVN 5076 : 2001 (ISO 2817 :1999) Thuốc lá và sản phẩm thuốc lá. Xác định dư lượng silic dioxit không tan trong axit clohidric.

TCVN 5080 : 2002 (ISO 4874 : 2000) Thuốc lá nguyên liệu. Lấy mẫu. Nguyên tắc chung.

TCVN 6675 : 2000 Thuốc lá – Xác định độ ẩm sợi.

3 Định nghĩa

Trong tiêu chuẩn này sử dụng định nghĩa sau đây :

3.1 Thuốc lá tẩm (Reconstituted tobacco): Cọng, bụi thuốc lá, được nghiền nhỏ, trộn với chất đán bện, tác nhân dính kết và được cán mỏng thành tấm có chất lượng và độ dày đồng đều. Các tấm này có thể được cắt thành từng mảnh có kích thước bất kỳ.

4 Yêu cầu kỹ thuật

4.1 Yêu cầu về nguyên, phụ liệu

- Bột có nguồn gốc từ thuốc lá, tối thiểu 75 % khối lượng;
- Chất đán bện và tác nhân dính kết: Loại phụ gia thực phẩm;

4.2 Yêu cầu cảm quan đối với thuốc lá tẩm, được qui định trong bảng 1.

Bảng 1 – Các chỉ tiêu cảm quan của thuốc lá tẩm

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
Màu sắc	Đặc trưng của lá thuốc lá nguyên liệu
Mùi, vị	Đặc trưng của thuốc lá

4.3 Yêu cầu lý hoá đối với việc sản xuất thuốc lá tẩm, được qui định trong bảng 2.

Bảng 2 – Các chỉ tiêu lý hoá của thuốc lá tẩm

Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1. Độ dày, mm	$0,2 \pm 0,02$
2. Độ ẩm, %	$13,0 \pm 0,5$
3. Tạp chất không tan trong axit clohydric 10%, %, không lớn hơn	3
4. Định lượng, g/m ²	120 – 140

5 Phương pháp thử

5.1 Lấy mẫu, theo TCVN 5080 : 2002 (ISO 4874 : 2000);

5.2 Xác định độ ẩm, theo TCVN 6675 : 2000;

5.3 Xác định tạp chất không tan trong axit clohydric, theo TCVN 5076 : 2001 (ISO 2817 : 1999);

5.4 Xác định độ dày, theo TCVN 3652 : 2000.

6 Ghi nhãn, bao gói, vận chuyển và bảo quản

6.1 Ghi nhãn: Ngoài các qui định hiện hành về ghi nhãn, trên bao bì đựng sản phẩm cần ghi rõ các thông tin dưới đây:

- Tên sản phẩm;
- Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất;

- Ngày, tháng, năm sản xuất;
- Khối lượng tịnh;
- Độ ẩm;
- Mã số lô hàng.

6.2 Bao gói: Thuốc lá tẩm được đóng thành kiện đựng trong thùng giấy cactong.

6.3 Vận chuyển: Phương tiện vận chuyển sản phẩm thuốc lá tẩm phải sạch, khô, không có mùi lạ, có mui che, không vận chuyển chung với các sản phẩm khác. Khi bốc dỡ phải nhẹ nhàng, tránh làm hư hỏng sản phẩm.

6.4 Bảo quản: Sản phẩm phải được bảo quản nơi riêng biệt, khô, sạch, không có mùi lạ, phải được đặt trên các kệ, bục, cách mặt nền 20 cm, cách tường 50 cm trong điều kiện bình thường.